**Superior Court of Washington, County of**

***Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận***

|  |  |
| --- | --- |
| **State of Washington**, Plaintiff,  ***Tiểu Bang Washington****, Nguyên Đơn,*  vs.  *kiện*  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_,  Defendant.  *Bị Đơn.*  SID:  *SID:*  If no SID, use DOB:  *Nếu không có SID, hãy sử dụng Ngày Sinh (DOB):* | **Criminal Case No.**:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  ***Vụ Án Hình Sự Số****:*  **Civil Case No.**:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  ***Vụ Án Dân Sự Số****:*  **[ ] Certificate and Order of Discharge  (1 - CRORD, 2 - CRORDP)**  ***Chứng Nhận và Lệnh Tha Bổng  (1 - CRORD, 2 - CRORDP)***  **[ ] Certificate and Order of Discharge and Order for Issuance of Separate No-Contact Order (1 - CRORDN, 2 - CRORDPN)**  ***Chứng Nhận và Lệnh Tha Bổng và Lệnh về Việc Ban Hành Lệnh Cấm Tiếp Xúc Riêng (1 - CRORDN, 2 - CRORDPN)***  **Clerk’s action required.**  ***Việc lục sự cần làm:*** |

**The defendant** filed a *Motion for Certificate and Order of Discharge [ ] and Petition for Issuance of Separate No-Contact Order* under RCW 9.94A.637. The court considered the motion, petition, if any, and any supporting material submitted, and reviewed the relevant court records.

***Bị đơn*** *đã trình nộp**Kiến Nghị về Chứng Nhận và Lệnh Tha Bổng [-] và Đơn Xin Ban Hành Lệnh Cấm Tiếp Xúc Riêng theo RCW 9.94A.637. Tòa án đã xem xét kiến nghị, đơn xin, nếu có, và bất kỳ tài liệu chứng minh nào được nộp và xem xét lại các hồ sơ tòa án có liên quan.*

**1**. [ ] The court received notification from the county clerk that the defendant has paid any and all legal financial obligations, which are not expired under statute, and finds that the defendant has provided adequate verification of completion of all sentencing conditions, and there appears to be no reason why the court should not discharge the defendant.

*Tòa án đã nhận được thông báo từ lục sự quận rằng bị đơn đã chi trả mọi khoản nghĩa vụ tài chánh pháp lý, chưa hết hạn theo luật định, và nhận thấy rằng bị đơn đã cung cấp bằng chứng xác minh đầy đủ về việc hoàn tất mọi điều kiện tuyên án, và dường như không có lý do vì sao tòa án không tha bổng bị đơn.*

**The court orders** that this document be considered a satisfaction of judgment entered under this cause number and that the defendant be **discharged** from the confinement and supervision of the Secretary of the Department of Corrections.

***Tòa án ra lệnh*** *rằng văn kiện này được coi là sự chấp hành phán quyết được đưa ra theo số vụ án này và rằng bị đơn phải* ***được tha bổng*** *khỏi thời gian giam giữ và giám sát của Bộ Trưởng Bộ Cải Huấn.*

**The discharge is effective** as of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*the date the defendant completed all sentencing conditions, including all legal financial obligations*).

***Lệnh tha bổng có hiệu lực*** *kể từ*   *(ngày bị đơn hoàn tất mọi điều kiện tuyên án, bao gồm tất cả các khoản nghĩa vụ tài chánh pháp lý).*

Or

*Hoặc*

[ ] The court finds good cause to waive the requirement that the defendant provide verification of completion of all nonfinancial sentencing conditions; and:

*Tòa án nhận thấy lý do chính đáng để miễn trừ yêu cầu rằng bị đơn phải cung cấp bằng chứng xác minh việc hoàn tất mọi điều kiện tuyên án phi tài chánh; và:*

* the defendant completed community custody on \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*), and it has been more than five years since that date.

*bị đơn đã hoàn tất việc giam giữ cộng đồng vào*   *(ngày), và đã hơn năm năm trôi qua kể từ ngày đó.*

* if none ordered, the defendant completed full and partial confinement on  
   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*), and it has been more than five years since that date.

*nếu không có lệnh nào, bị đơn đã hoàn tất toàn bộ và một phần thời gian giam giữ*  
  *(ngày), và đã hơn năm năm trôi qua kể từ ngày đó.*

* all legal financial obligations were [ ] satisfied [ ] expired on \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*).

*tất cả các khoản nghĩa vụ tài chánh pháp lý đã là [-] chấp hành [-] hết hạn vào*   *(ngày).*

**The court orders** that this document be considered a satisfaction of judgment entered under this cause number and that the defendant be **discharged** from the confinement and supervision of the Secretary of the Department of Corrections.

***Tòa án ra lệnh*** *rằng văn kiện này được coi là sự chấp hành phán quyết được đưa ra theo số vụ án này và rằng bị đơn phải* ***được tha bổng*** *khỏi thời gian giam giữ và giám sát của Bộ Trưởng Bộ Cải Huấn.*

**The discharge is effective** as of \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*the* ***latest*** *date listed above*).

***Lệnh tha bổng có hiệu lực*** *kể từ*   *(ngày* ***mới nhất*** *được liệt kê trên đây).*

**2**.[ ] The court finds that the defendant has provided adequate verification of completion of all nonfinancial sentencing conditions.

*Tòa án nhận thấy rằng bị đơn đã cung cấp bằng chứng xác minh đầy đủ về việc hoàn tất mọi điều kiện tuyên án phi tài chánh.*

or

*hoặc*

[ ] The court finds good cause to waive the requirement that the defendant provide verification of completion of all nonfinancial sentencing conditions.

*Tòa án nhận thấy lý do chính đáng để miễn trừ yêu cầu rằng bị đơn phải cung cấp bằng chứng xác minh việc hoàn tất mọi điều kiện tuyên án phi tài chánh.*

**The court orders** that this document will be considered a satisfaction of judgment entered under this cause number and that the defendant will be **discharged** from the confinement and supervision of the Secretary of the Department of Corrections:

***Tòa án ra lệnh*** *rằng văn kiện này được coi là sự chấp hành phán quyết được đưa ra theo số vụ án này và rằng bị đơn sẽ* ***được tha bổng*** *khỏi thời gian giam giữ và giám sát của Bộ Trưởng Bộ Cải Huấn.*

**effective** on the later of:

***có hiệu lực*** *vào thời điểm sau:*

* five years after the defendant completes community custody. [ ] was completed on \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*)

*năm năm sau khi bị đơn đã hoàn tất việc giam giữ cộng đồng. [-] đã được hoàn tất vào*   *(ngày)*

* if none ordered, five years after the defendant completes full and partial confinement. [ ] was completed on \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*)

*nếu không có lệnh nào, năm năm sau khi bị đơn hoàn tất toàn bộ và một phần thời gian giam giữ. [-] đã được hoàn tất vào*   *(ngày)*

* the date all legal financial obligations are satisfied or expired. [ ] satisfied [ ] expired on \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (*date*)

*ngày mà tất cả các khoản nghĩa vụ tài chánh pháp lý được chấp hành hoặc hết hạn. [-] chấp hành [-] hết hạn vào*   *(ngày)*

**The court orders that, when effective, this discharge restores** the defendant’s civil rights not already restored by RCW 29A.08.520. This certificate of discharge:

***Tòa án ra lệnh rằng, khi có hiệu lực,******lệnh tha bổng này sẽ phục hồi*** *các quyền dân sự của bị đơn mà chưa được phục hồi theo RCW 29A.08.520. Chứng nhận tha bổng này:*

* is not based on a finding of rehabilitation and does not restore the right to ship, transport, possess, or receive firearms or ammunition.

*không dựa trên phán quyết phục hồi chức năng và không phục hồi quyền vận chuyển, sở hữu hoặc tiếp nhận súng ống hoặc đạn dược.*

* does not terminate any obligation to register as a sex or kidnapping offender.

*không chấm dứt bất kỳ nghĩa vụ nào phải đăng ký là người phạm tội tình dục hoặc bắt cóc.*

* does not terminate any obligation to comply with a no-contact order that excludes or prohibits the defendant from having contact with a specified person or coming within a set distance of any specified location. Any no-contact order filed separately from the judgment and sentence remains in effect.

*không chấm dứt bất kỳ nghĩa vụ nào phải tuân thủ lệnh cấm tiếp xúc loại trừ hoặc nghiêm cấm bị đơn tiếp xúc với một người cụ thể hoặc đến gần bất kỳ địa điểm cụ thể nào trong một khoảng cách nhất định. Bất kỳ lệnh cấm tiếp xúc nào được trình nộp riêng biệt với phán quyết và bản án vẫn còn hiệu lực.*

[ ] The defendant remains subject to a **no-contact order** that was imposed as a part of the judgment and sentence in this case and was not filed separately. This certificate of discharge is valid and effective only upon entry of a separate civil no-contact order with terms and conditions identical to those imposed in the judgment and sentence in this case. The defendant must pay the filing fee for the separate no-contact order. The court orders the defendant to comply with the separate no-contact order reissued under a new cause number on this date or  
dated \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

*Bị đơn vẫn phải tuân theo* ***lệnh cấm tiếp xúc*** *đã được áp đặt như một phần phán quyết và bản án trong vụ án này và không được trình nộp riêng. Chứng nhận tha bổng này chỉ có giá trị và hiệu lực khi có lệnh cấm tiếp xúc dân sự riêng biệt với các điều khoản và điều kiện giống hệt với những điều khoản và điều kiện được áp đặt trong phán quyết và bản án trong vụ án này. Bị đơn phải chi trả lệ phí nộp đơn xin lệnh cấm tiếp xúc riêng biệt. Tòa án ra lệnh cho bị đơn tuân thủ lệnh cấm tiếp xúc riêng biệt được ban hành lại theo số nguyên nhân mới vào ngày này hoặc đề ngày*

**Dated**: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Đề ngày:*****Judge**/Print Name

***Thẩm Phán****/Tên Viết In*

Presented by: Approved for entry without further notice:

*Được trình bày bởi:* *Được chấp thuận việc tiếp nhận mà không cần thông báo thêm:*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Defendant/Attorney for Defendant/WSBA No. Deputy Prosecuting Attorney/WSBA No.

*Bị Đơn/Luật Sư cho Bị Đơn/WSBA Số* *Phó Ủy Viên Công Tố/WSBA Số*